

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1040/2024/DS-PT

Ngày: 17/12/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Hồng Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Đức Nam

2. Ông Nguyễn Khắc Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 676/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 207/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5838/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Liêu Q, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn T (vắng mặt).

- Bà Lương L (vắng mặt).

- Bà Đoàn N (có mặt).

Cùng địa chỉ: Võ Văn Kiệt, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Nhà Hàng Chay Đ (vắng mặt).

Trụ sở: phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: phường Đa Kao, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người làm chứng:* Bà Ngô P (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. *Người kháng cáo:* Ông Liêu Q, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn T (vắng mặt).

- Bà Lương L (vắng mặt).

- Bà Đoàn N (có mặt).

Cùng địa chỉ: Võ Văn Kiệt, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Liêu Q:

Công ty TNHH Nhà Hàng Chay Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có vay ông Q số tiền là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng. Các bên ký kết Hợp đồng vay tiền số 010012 vào ngày 08/08/2016 tại Văn phòng Công chứng T và cùng ngày các bên cũng đã ký tên vào Bản cam kết, theo đó các bên thoả thuận một số nội dung chính sau đây:

Ông Q cho Công ty Đ vay số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký Hợp đồng công chứng (ngày 08/8/2016). Lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng nhà nước. Mục đích vay là để tiêu dùng và kinh doanh, phát triển hệ thống Nhà hàng thuần chay Đ theo quy định pháp luật. Bên cạnh số tiền lãi suất vay như đã thoả thuận thì Công ty Đ cam kết trả thêm khoản lợi nhuận cho ông Q với tổng số tiền chi trả hàng tháng bao gồm tiền lãi vay và tiền lợi nhuận là 100.000.000 đồng/tháng.

Bên vay mong muốn trả thêm khoản lợi nhuận này là vì lúc vay tiền Công ty Đ nói rõ là vay ông Q tính rất thấp theo quy định của Ngân hàng nhà nước nên số tiền này xem như là tiền Công ty Đ trả thêm cho ông Q như một lời cảm ơn đối với tấm lòng của ông Q đã tin tưởng và cho Công ty Đ có thêm cơ hội được phát triển trong giai đoạn thiếu hụt về tài chính. Số tiền lợi nhuận này là do các bên tự nguyện thoả thuận bên cạnh tiền lãi vay và được pháp luật cho

phép. Thời gian chi trả tiền lãi vay và tiền lợi nhuận cố định vào ngày 08 dương lịch hàng tháng.

Tính đến thời điểm hiện tại là đã gần 07 (bảy) năm kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng vay tiền nhưng Công ty Đ chỉ thanh toán một phần tiền lãi vay, tiền lợi nhuận và chưa hoàn trả tiền gốc cho ông Q, cụ thể Công ty Đ thanh toán như sau: Năm 2016: 400.000.000 đồng; Năm 2017: 460.000.000 đồng; Năm 2018: 153.000.000 đồng; Năm 2022: 70.000.000 đồng; Năm 2023: 10.000.000 đồng.

Ông Q đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở và đề nghị thanh toán dứt điểm số tiền vay, tiền lãi và tiền lợi nhuận như đã thỏa thuận nhưng phía Công ty Đ với đại diện là bà Đ liên tục hứa hẹn rồi lại thất hứa, cố tình chiếm dụng số tiền vay trong một thời gian dài.

Theo thỏa thuận, nếu Công ty Đ không hoàn lại số tiền vay thì có thể thống nhất quy đổi số tiền còn nợ thành số vốn góp của ông Q tại Công ty Đ. Tuy nhiên, khi ông Q đưa ra đề nghị này thì bà Đ - Đại diện Công ty Đ phớt lờ và không đồng ý vì cho rằng Công ty Đ quy định trong thỏa thuận vay tiền điều khoản này chỉ để có được niềm tin nơi ông Q.

Theo Giấy phép kinh doanh mới nhất của Công ty Đ thể hiện công ty có loại hình là trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân do một mình bà Đ làm chủ sở hữu với phần vốn góp là 19.300.000.000 (mười chín tỷ, ba trăm triệu) đồng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận M xem xét và ra quyết định buộc Công ty Đ hoàn trả cho ông Liêu Q:

(i) Số tiền nợ gốc chưa trả: 2.000.000.000 đồng;

(ii) Tiền lãi vay chưa trả (áp dụng mức lãi suất vay 09%/năm, căn cứ vào Điều 3 Hợp đồng vay tiền, Quyết định số 2868/QĐ-NHNM) tạm tính đến ngày 01/5/2023 là: 1.042.123.288 đồng (một tỷ, bốn mươi hai triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng);

(iii) Tiền lợi nhuận chưa trả tạm tính đến ngày 01/5/2023 là: 5.864.876.712 đồng (năm tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng);

(iv) Tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tạm tính đến ngày 01/5/2023 (áp dụng mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay trong hạn, căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP) là:

$$\{(150\% \times 9\%)/365 \text{ ngày} \times 2.000.000.000 \text{ đồng} \times 2.274 \text{ ngày}\} = 1.705.068.493 \text{ đồng}.$$

(v) Tiền lãi chậm trả đối với lãi vay chưa thanh toán, tạm tính đến ngày 01/5/2023 (áp dụng mức lãi suất 10%/năm, căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP) là: 310.532.086 đồng (Ba trăm mười triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, tám mươi sáu đồng);

(vi) Tiền lãi chậm trả đối với tiền lợi nhuận chưa thanh toán tạm tính đến ngày 01/5/2023 (áp dụng mức lãi suất 10%/năm, căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP) là: 1.784.571.029 đồng (Một tỷ, bảy trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi mốt nghìn, hai mươi chín đồng).

Như vậy, tổng số tiền tạm tính mà Công ty Đ phải thanh toán cho ông Q là: (i) + (ii) + (iii) + (iv) + (v) + (vi) = 12.684.240.101 (mười hai tỷ, sáu trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, một trăm lẻ một) đồng.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không cung cấp chứng cứ.

Người làm chứng bà Ngô Thị Kim Phụng khai: Bà P và bà Nguyễn Đ có quan hệ quen biết từ trước. Khoảng tháng 8/2016, bà biết bà Đ cần nguồn vốn gấp để đầu tư kinh doanh cho Công ty Đ nên bà giới thiệu cho người quen của bà là ông Q giúp bà Đ. Bà được biết vào ngày 08/8/2016, tại Văn phòng Công chứng T, ông Q và Công ty Đ ký hợp đồng vay tiền số 010012 và Giấy cam kết theo đó ông Q cho Công ty Đ vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Bà P cùng ông Q, bà Đ đến ngân hàng để ông Q rút tiền cho bà Đ vay bằng tiền mặt. Số tiền vay được chuyển theo 2 đợt: Đợt 1 ngày 08/8/2016: 1.850.000.000 đồng, đợt 02 ngày 09/8/2016 ông Q giao tiếp 150.000.000 đồng. Bà Đ viết giấy tay và ký tên xác nhận vào mặt sau của bản cam kết.

Án sơ thẩm đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Liêu Q:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Nhà Hàng Chay Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Liêu Q số tiền nợ gốc chưa trả 1.635.000.000 (Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu) đồng và lãi nợ quá hạn 485.024.932 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai) đồng. Tổng cộng 2.120.024.932 (Hai tỷ, một trăm hai mươi triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của của nguyên đơn ông Liêu Q đối với các khoản yêu cầu tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi vay, tiền lợi nhuận, tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền nợ gốc quá hạn còn lại, tiền lãi chậm trả đối với lãi vay chưa thanh toán, tiền lãi chậm trả đối với tiền lợi nhuận chưa thanh toán tổng cộng 12.993.009.690 (Mười hai tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, không trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm chín mươi) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Liêu Q có người đại diện bà Đoàn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải trả cho ông Q: Số tiền nợ gốc chưa trả, tiền lãi vay chưa trả (áp dụng mức lãi suất vay 09%/năm), tiền lợi nhuận chưa trả tính, tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tính (áp dụng mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay trong hạn), tiền lãi

chậm trả đối với lãi vay chưa thanh toán (áp dụng mức lãi suất 10%/năm), tiền lãi chậm trả đối với tiền lợi nhuận chưa thanh toán tính (áp dụng mức lãi suất 10%/năm). Như vậy, tổng số tiền mà Công ty Đ phải thanh toán cho ông Q là 16.414.623.663 đồng.

- Bị đơn Công ty Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa: Xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn và thủ tục kháng cáo:

Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Đ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tòa án căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp Hợp đồng vay tiền số 010012 vào ngày 08/08/2016 được ký kết giữa nguyên đơn Liêu Q và bị đơn Công ty Đ. Hợp đồng có nội dung chính ông Q cho Công ty Đ vay số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký Hợp đồng công chứng (ngày 08/8/2016); lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng nhà nước, bên cạnh đó còn có các điều khoản về địa điểm, phương thức trả nợ, phương thức giải quyết tranh chấp, cam đoan của các bên Ngoài ra, hai bên ký bản cam kết (ghi ngày 25/7/2016), là một phần không tách rời của Hợp đồng vay tiền ngày 08/8/2016. Nội dung chính của cam kết ghi nhận “*Bên cạnh tỷ lệ lãi quy định trong “Hợp đồng vay tiền” (điều 1) Bên B cam kết sẽ trả thêm lợi nhuận cho bên A cho đủ số tiền là 100.000.000 Vnd/tháng*”, ngoài ra còn một số điều khoản khác về chấm dứt và tiếp tục thực hiện hợp đồng, sự kiện bất khả kháng, điều khoản chung ...

[3] Xét Hợp đồng vay tiền ngày 08/8/2016 phù hợp với quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 471, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 (có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng) nên có hiệu lực pháp luật.

Xét bản cam kết ghi ngày 25/7/2016, ghi nhận là một phần không tách rời của Hợp đồng vay tiền ngày 08/8/2016 nên thời điểm giao kết phải từ ngày 08/8/2016 và tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận được ký vào ngày 08/8/2016, có nội dung quy định chi tiết một số điều khoản của hợp đồng, đặc biệt đối với điều khoản về lãi suất trong hợp đồng chưa rõ ràng, nên được xem là phụ lục hợp đồng. Nội dung cam kết ghi nhận: “*Bên cạnh tỷ lệ lãi quy định trong “Hợp đồng vay tiền” (điều 1) Bên B cam kết sẽ trả thêm lợi nhuận cho bên A cho đủ số tiền là 100.000.000 Vnd/tháng*” có nghĩa các bên thỏa thuận bên vay tiền phải trả thêm khoản lợi nhuận cộng với tiền lãi đã thỏa thuận để đủ số tiền 100.000.000 đồng/tháng. Xét về bản chất, khoản lợi nhuận này cũng là tiền lãi được cộng thêm vào với tiền lãi ban đầu để đủ 100.000.000 đồng/tháng. Như vậy, có cơ sở xác định các bên đã thỏa thuận theo mức lãi suất là 5%/tháng.

[4] Căn cứ khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp, hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả đối với các khoản yêu cầu sau:

Đối với số tiền nợ gốc chưa trả là 2.000.000.000 đồng. Do bị đơn đã trả tiền lãi của 06 tháng theo lãi suất đã thỏa thuận, tuy nhiên cần xem xét số tiền lãi đã trả có vượt quá quy định của nhà nước và có được trừ vào tiền gốc chưa trả. Cấp sơ thẩm đã nhận định số tiền gốc sau khi được căn trừ khoản tiền bị đơn đã thanh toán toàn tiền lãi vượt quá quy định để xác định số tiền gốc còn lại là 1.635.000.000 đồng là đúng.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tính đến ngày 05/6/2024. Cấp sơ thẩm căn cứ Khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi nợ quá hạn tính theo lãi suất cơ bản từ ngày 08/02/2017 đến ngày xét xử 05/6/2024 đã trừ số tiền bị đơn đã trả là 593.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi còn phải trả 485.024.932 đồng là đúng.

[6] Đối với các khoản yêu cầu gồm: Tiền lãi chậm trả đối với lãi vay chưa thanh toán, tính đến ngày 05/6/2024 (áp dụng mức lãi suất 10%/năm, căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP); Tiền lãi chậm trả đối với tiền lợi nhuận chưa thanh toán tính đến ngày 05/6/2024 (áp dụng mức lãi suất 10%/năm, căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP). Cấp sơ thẩm không chấp nhận 02 khoản yêu cầu này là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, các khoản yêu cầu được chấp nhận gồm tiền nợ gốc 1.635.000.000 đồng, lãi nợ quá hạn 485.024.932 đồng. Tổng cộng 2.120.024.932 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn Công ty Đ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên ông Q là người cao tuổi, được miễn tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 307, 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4, Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Liêu Q. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 207/2024/DS-ST Ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận M.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Liêu Q:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Nhà Hàng Chay Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Liêu Q số tiền nợ gốc chưa trả 1.635.000.000 (Một tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu) đồng và lãi nợ quá hạn 485.024.932 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai) đồng. Tổng cộng 2.120.024.932 (Hai tỷ, một trăm hai mươi triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai) đồng.

Thi hành làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của của nguyên đơn ông Liêu Q đối với các khoản yêu cầu tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi vay, tiền lợi nhuận, tiền lãi chậm trả đối với khoản tiền nợ gốc quá hạn còn lại, tiền lãi chậm trả đối với lãi vay chưa thanh toán, tiền lãi chậm trả đối với tiền lợi nhuận chưa thanh toán tổng cộng 12.993.009.690 (Mười hai tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, không trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm chín mươi) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Nhà Hàng Chay Đ phải chịu 74.400.499 (Bảy mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn, bốn trăm chín mươi chín) đồng.

Nguyên đơn ông Liêu Q được miễn nộp tạm ứng án phí và được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Hồng Cảnh

